

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2020
"V/v Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đình Xuân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Mạnh Cường** và ông **Đỗ Minh Tuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Ông **Đỗ Anh Tú** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 13/2020/TB-TA ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**: Sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ (*có mặt*).

Bị đơn: Anh **Đỗ Trung T**: Sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng: Khu B, xã M (trước đây là khu 8, xã P) huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(*vắng mặt, đã bị Tòa án tuyên bố mất tích*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày như sau:

- Chị và anh Đỗ Trung T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã M), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh T tại xã P, huyện T. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra bất đồng mâu thuẫn, cuộc sống chung không được hạnh phúc. Cho đến khoảng đầu năm 2011, anh T nói đi làm ăn nhưng không nói là đi làm gì, ở đâu. Kể từ đó cho đến nay anh T không một lần trở về và hoàn toàn không có liên lạc gì

với gia đình, cũng không ai có tin tức gì về anh T. Chị đã tìm kiếm và hỏi thăm nhiều nơi nhưng cũng không có thông tin nào về anh T. Chị đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba thông báo tìm kiếm anh T trên các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên bố anh T bị mất tích. Kể từ khi đăng thông tin tìm kiếm và tuyên bố anh T mất tích đến nay vẫn không thấy anh T trở về và không nhận được thông tin gì của anh T. Do anh T biệt tích đã nhiều năm không có tin tức, tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Thái không còn vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đỗ Trung T.

- Về con chung: Chị và anh Đỗ Trung T đã có với nhau 02 con chung là Đỗ Thị Diệu L; sinh ngày 13/8/2006 và Đỗ Thị Thu T; sinh ngày 15/7/2010. Cả hai con chung vẫn do chị chăm sóc nuôi dưỡng từ khi anh T bỏ đi đến nay. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và do anh T mất tích không rõ tin tức nên chị không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn là anh Đỗ Trung T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, Tòa án cũng đã thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Thái vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết nên anh T không có lời khai và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng do bị đơn là anh Đỗ Trung T không có mặt tại địa phương và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích vì vậy việc quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Trung T kể từ khi kết hôn cho đến nay và xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Trung T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày và kết quả xác minh tại địa phương cùng với lời trình bày của bà Đặng Thị Đ (mẹ đẻ anh T) thì anh T đã nhiều năm nay không có mặt tại địa phương, gia đình và địa phương cũng không có thông tin gì về anh T. Về phía Tòa án cũng đã thông tin tìm kiếm anh T trên các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên bố anh T bị mất tích nhưng đến nay vẫn không có thông tin về anh T. Do anh T bỏ đi biệt tích đã ảnh hưởng đến quan hệ, tình cảm vợ chồng và trên thực tế quan hệ vợ chồng đã không còn tồn tại từ nhiều năm nay, vợ chồng đã không còn sống chung, không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm

chăm sóc nhau nhiều năm nay, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy xét yêu cầu ly hôn của chị T là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T đã có với nhau 02 con chung như chị T đã trình bày ở trên. Cả hai con chung vẫn do chị T chăm sóc nuôi dưỡng từ khi anh T bỏ đi cho đến nay. Do anh T bị mất tích, xét nguyện vọng của con chung và yêu cầu được nuôi dưỡng con của chị T là chính đáng, việc giao các con cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết, đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển của con chung và cũng phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T bị mất tích, chị T tự nguyện không yêu cầu vì vậy trong vụ án này không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác chị T trình bày không có nhưng do anh T không có mặt vì vậy không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị Thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Đỗ Trung T.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là Đỗ Thị Diệu L; sinh ngày 13/8/2006 và Đỗ Thị Thu T; sinh ngày 15/7/2010 (hiện cả hai con chung đều đang ở cùng với chị T). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng

án phí theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2016/0001663 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Xuân